

Số: 33 /2017/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 05 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và quyết toán các công trình sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có giá trị dưới 500 triệu đồng áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số: 122/TTr-STC ngày 28 tháng 9 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và quyết toán các công trình sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có giá trị dưới 500 triệu đồng áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng....năm 2017 và thay thế Quyết định số 48/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và quyết toán các công trình sửa chữa, cải tạo và xây dựng mới có giá trị từ 100 triệu đồng trở xuống trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *đang*

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- TT:TU, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

(Dương Thảo 2017 2. QĐQPPL)

๓๐

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Về lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và quyết toán các công trình sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có giá trị dưới 500 triệu đồng áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm
2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về lập, thẩm định, phê duyệt dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (phê duyệt dự toán) và quyết toán các công trình sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất (bao gồm cả việc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp) có giá trị dưới 500 triệu đồng sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có giá trị dưới 500 triệu đồng từ ngân sách nhà nước;
2. Quy định này không áp dụng cho các trường hợp đã có văn bản hướng dẫn riêng.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ sở lập dự toán

Việc lập dự toán các công trình sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có giá trị dưới 500 triệu đồng trên địa bàn tỉnh căn cứ vào các cơ sở sau:

1. Kế hoạch vốn được phân bổ hàng năm.
2. Nhu cầu sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất (bao gồm cả việc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp).

3. Khối lượng, chi phí nhân công, chi phí máy thi công theo quy định

a) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo việc lập dự toán căn cứ vào biên bản xác định công việc thực tế cần phải tiến hành sửa chữa, cải tạo do chủ đầu tư lập và hồ sơ quyết toán công trình xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước đây (nếu có).

b) Đối với việc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, căn cứ vào biên bản xác định công việc thực tế cần phải tiến hành xây dựng mới do chủ đầu tư lập và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng lập).

4. Giá vật liệu công bố tại địa phương

Trường hợp vật liệu không có trong công bố giá, chủ đầu tư có thể tham khảo thông báo giá của những nhà cung cấp phù hợp với mặt bằng giá vật liệu của thị trường địa phương tại thời điểm lập dự toán. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính khách quan, trung thực và chính xác của việc xác định giá trong hồ sơ dự toán.

Điều 4. Lập, thẩm tra và phê duyệt dự toán

1. Đối với các công trình dưới 50 triệu đồng

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập dự toán công trình để thực hiện theo quy định về chi thường xuyên đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.

2. Đối với các công trình từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng

Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn có năng lực lập dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán thực hiện. Trường hợp nếu sửa chữa có ảnh hưởng đến kết cấu công trình thì chủ đầu tư có trách nhiệm gửi cơ quan chuyên môn có ý kiến: Đối với công trình cấp tỉnh do Sở Xây dựng góp ý, đối với công trình cấp huyện do Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị (đối với Thành phố) góp ý. Sau đó Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định và phê duyệt dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (nếu đủ năng lực). Trường hợp Chủ đầu tư không đủ năng lực thực hiện có thể thuê tổ chức tư vấn có chức năng thẩm tra dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán trước khi phê duyệt. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả phê duyệt dự toán của mình.

3. Chi phí thuê tư vấn lập, thẩm tra dự toán (nếu có)

a) Chi phí lập dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán:

Công trình từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng: 2.000.000 đồng (định mức này không tính thêm thuế giá trị gia tăng).

Công trình từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng: 4.000.000 đồng (định mức này không tính thêm thuế giá trị gia tăng).

b) Chi phí thẩm tra dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán:

Công trình từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng: 1.000.000 đồng (định mức này không tính thêm thuế giá trị gia tăng).

Công trình từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng: 2.000.000 đồng (định mức này không tính thêm thuế giá trị gia tăng).

Điều 5. Tổ chức thi công

Sau khi hồ sơ dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng phù hợp với loại, cấp công trình (áp dụng hình thức chọn thầu: chỉ định thầu - Quyết định chỉ định thầu) để ký kết hợp đồng thi công theo hình thức hợp đồng trọn gói và giám sát thi công (theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 4).

Đối với công trình có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng, mức thuê tư vấn giám sát thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng. Chủ đầu tư được tự thực hiện giám sát thi công khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định và tự chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả giám sát do mình thực hiện.

Đối với các công trình có giá trị dưới 100 triệu đồng, Chủ đầu tư tự kiểm tra giám sát thi công xây dựng.

Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả giám sát thi công xây dựng của mình.

Điều 6. Tạm ứng và thanh toán vốn

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Điều 7. Thẩm tra và phê duyệt quyết toán

1. Hồ sơ quyết toán

- a) Kế hoạch vốn được giao.
- b) Biên bản xác định khối lượng công việc thực tế cần phải tiến hành thực hiện.
- c) Quyết định phê duyệt dự toán của Chủ đầu tư và hồ sơ kèm theo.
- d) Quyết định chỉ định đơn vị thi công, tư vấn lập và thẩm tra dự toán (nếu có).
- đ) Hợp đồng giữa Chủ đầu tư với đơn vị thi công, tư vấn.
- e) Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng; thanh lý hợp đồng (nếu có).
- g) Bản quyết toán A-B và hồ sơ kèm theo.

h) Tờ trình đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư (bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí lập, thẩm tra dự toán (nếu có) và chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán.

2. Thẩm quyền thẩm tra và phê duyệt quyết toán

a) Đối với công trình dưới 50 triệu đồng: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về giá trị công trình hoàn thành và thực hiện quyết toán theo Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

b) Đối với công trình từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng: Sau khi công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng, chủ đầu tư phải lập hồ sơ quyết toán trình cơ quan tài chính thẩm tra và phê duyệt theo phân cấp như sau:

Nguồn vốn thuộc ngân sách tỉnh do Sở Tài chính thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Nguồn vốn thuộc ngân sách cấp huyện (huyện, thành phố) do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Nguồn vốn thuộc ngân sách cấp xã (xã, phường, thị trấn) do công chức tài chính - kế toán thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp công chức tài chính - kế toán không đủ năng lực thẩm tra, có thể đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố thẩm tra quyết toán để Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

3. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành bằng tổng mức đầu tư của công trình được duyệt (hoặc được điều chỉnh) nhân với hệ số 0.95%. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là 500.000 đồng.

4. Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán

Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán tính từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán theo dự án nhóm C quy định tại Điều 22 Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

2. Trường hợp có vướng mắc, khó khăn đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh kịp thời bằng văn bản đến Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Dương Văn Thắng